

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/ HNGĐ - ST

Ngày: 17-11- 2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Phẫu

2. Bà Trần Thị Phúc Tuệ

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Phan Quang Phú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2020/TLST - HNGĐ ngày 03/7/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐST- DS ngày 05/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thu H, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn U, xã C, huyện H, tỉnh Quảng Bình.

Nơi làm việc: Số 15 đường A, quận T, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Nam P, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2020 và bản tự khai ngày 15/9/2020 chị Mai Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Nam P có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/7/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ ở thành phố Đà Nẵng để sinh sống và làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P đi làm xa không quan tâm đến chị nên giữa hai vợ chồng không thể hiểu nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng cũng đã trao đổi bàn bạc nhiều lần để thông cảm cho nhau

nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị sinh sống tại thành phố Đà Nẵng còn anh P về quê sống cùng bố mẹ ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Từ khi vợ chồng sống ly thân hai người không quan tâm đến nhau nữa, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Nam P.

Về con chung của vợ chồng: Chị và anh P không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Giữa chị và anh P không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng. Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa chị Mai Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng chị Mai Thị Thu H và anh Nguyễn Nam P; về quan hệ hôn nhân áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H và xử cho chị H được ly hôn anh P; về con chung, tài sản và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Buộc chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, thông qua Ủy ban nhân dân xã T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như giấy triệu tập anh P đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh P không đến Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình. Sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết tại UBND xã T, đồng thời gửi giấy triệu tập hợp lệ cho anh P. Theo kết quả xác minh tại gia đình, ông Nguyễn Văn Hồng (bố anh P) cho biết gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh P biết về việc chị H làm đơn xin ly hôn, nhưng anh P cho rằng vì điều kiện công việc nên không thể về giải quyết ly hôn tại Tòa án được đồng thời anh có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với anh P, đây là tranh chấp về ly hôn. Anh P có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Mai Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Nam P đã được triệu tập hợp lệ

đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và P là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh P là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn với anh P vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh P đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh P vẫn không có mặt. Điều này chứng tỏ anh P không có trách nhiệm đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, việc chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh P là có cơ sở, nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh P.

Quan hệ con chung, tài sản và nợ chung: chị H khai vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị H phải nộp để sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Mai Thị Thu H và bị đơn anh Nguyễn Nam P.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Nam P.
3. Về quan hệ con chung: Không xem xét
4. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Mai Thị Thu H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007921 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã Ký

Phạm Hữu Tình

